ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 634 /TB-VP	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2025*

THÔNG BÁO

Kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của Thành phố Hồ Chí Minh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (tuần thứ 45)

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Căn cứ kết quả đánh giá các tiêu chí của Bộ chỉ số, kết quả Thành phố trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia[1]:

1. Kết quả Thành phố Hồ Chí Minh: đạt hạng 30/34 với tổng số điểm đạt được 86,01 điểm (tuần trước 85,47 điểm) (phụ lục 1).

1.1. Công khai, minh bạch: 15,41/18 điểm (tuần trước 15,41 điểm)

- Tỷ lệ cập nhật, công khai đúng hạn: 34,87%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn: 43,6%.
- Tỷ lệ công khai đầy đủ các nội dung quy định: 100% (2.292 thủ tục).
- Hồ sơ đồng bộ lên cổng DVCQG: 2.031.466 hồ sơ đồng bộ.

1.2. Tiến độ giải quyết: 18,41/20 điểm (tuần trước 18,53 điểm)

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn của Thành phố đạt mức trung cao khoảng 96,27%, hiện các đơn vị vẫn còn hồ sơ xử lý quá hạn (kèm phụ lục 3).

1.3. Dịch vụ trực tuyến: 18,32/22 điểm (tuần trước 18,16 điểm)

1.3.1. Dịch vụ công trực tuyến: 8,3/12 điểm (tuần trước 8,2 điểm)

- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT một phần: 46,97% (1.079 DVCTT).
- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình: 41,1% (944 DVCTT).
- Còn lại: 11,93% (274 TTHC).
- Hồ sơ nộp trực tuyến: 68,92% (1.418.472 hồ sơ).
- Hồ sơ xử lý đúng hạn: 93,16%.
- Tỷ lệ TTHC có DVC trực tuyến phát sinh hồ sơ trên Cổng DVCQG: 42,8%.

1.3.2. Thanh toán trực tuyến: 10/10 điểm (tuần trước 10 điểm)

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến: 85,09% (588 TTHC).

---

[1] Số liệu trích xuất vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 10/11/2025 tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html với mốc lấy số liệu năm 2025

- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến 75,36% (1.198.898 hồ sơ).

1.4. Mức độ hài lòng: 17,94/18 điểm (tuần trước 17,88 điểm)

- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị 99,0%.
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC 92,07%.

1.5. Số hóa hồ sơ: 15,93/22 điểm (tuần trước 15,43 điểm)

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử: 75,40%.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 71,43%.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa: 27,65% (592.696 hồ sơ).

2. Đánh giá:

Thành phố đã có nhiều nỗ lực, điểm tăng đáng chú ý nhất là điểm số hóa có bước tiến bộ tốt qua từng tuần, tuy nhiên cần chú ý điểm tiến độ giải quyết (2 tuần liên tiếp điểm số giảm), ngoài những nguyên nhân như đã nêu tại Thông báo tuần 41 vẫn còn nhưng các đơn vị đã có những bước tiến trong cải thiện điểm số.

3. Giải pháp, phương hướng:

Căn cứ các đề xuất giải pháp đã nêu ở Thông báo tuần 41, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, tùy thuộc vào điều kiện của cơ quan, đơn vị mà có những giải pháp tốt hơn, phù hợp để cải thiện điểm số, nâng cao thứ hạng.

Đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu phổ biến, quán triệt Thông báo này đến các cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị, địa phương./.

(Kèm theo các phụ lục)

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTUB: CT, các PCT (để báo cáo)
- VPUB: CVP, PCVP;
- Sở, ban, ngành Thành phố;
- Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố;
- UBND phường, xã, đặc khu;
- TT PVHCC TP;
- Lưu: VT, TNSH/ĐL.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trương Công Huy

Phụ lục 1
Điểm, tỷ lệ đạt được của Thành phố

TT	Chỉ số	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt được (%)	Ghi chú
I	**Công khai, minh bạch**	**18**	**15,41**		
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính công bố đúng hạn	6		34,87	
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn	4		43,6	
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính được công khai có đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính	2		100	
4	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	6			2.031.466 hồ sơ
II	**Tiến độ, kết quả giải quyết**	**20**	**18,41**		
5	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20		96,27	
III	**Cung cấp dịch vụ trực tuyến**	**22**	**18,32**		
III.1	**Dịch vụ công**	**12**	**8,32**		
6	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2		88,07	
7	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4		42,8	
8	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức nộp trực tuyến	6		68,92	
III.2	**Thanh toán trực tuyến**	**10**	**10**		
9	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2		85,09	
10	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	2		100	
11	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6		75,36	
IV	**Số hóa hồ sơ**	**22**	**15,93**		

12	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	6		75,40	
13	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	4		71,43	
14	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2		27,65	
15	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2			
16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	4			
*	**Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công**				
17	Tỷ lệ thủ tục hành chính triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính	2			
18	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2			
V	**Mức độ hài lòng**	**18**	**17,94**		
19	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6		99,98	
20	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6		99	
21	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	6		92,07	
Tổng		**100**	**86,01**		

Phụ lục 2
Danh sách tổng điểm, xếp hạng của các đơn vị

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
Sở, ban, ngành			
1	Sở An toàn thực phẩm	90.31	Xuất sắc
2	Sở Xây dựng	88.72	Tốt
3	Sở Du lịch	88.06	Tốt
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	87.48	Tốt
5	Sở Văn hóa và Thể thao	85.63	Tốt
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	83.58	Tốt
7	Sở Y tế	83	Tốt
8	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	83	Tốt
9	Sở Công Thương	81.57	Tốt
10	Sở Nội vụ	78.3	khá
11	Sở Tài chính	78.19	khá
12	Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp	76.33	khá
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	75.55	khá
14	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	73.68	khá
15	Sở Khoa học và Công nghệ	70.14	khá
16	Công an Thành phố	66.02	Trung bình
17	Sở Tư pháp	57.08	Trung bình
18	Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an Thành phố	32	Yếu
UBND cấp xã			
1	Ủy ban nhân dân Xã Châu Đức	92.68	Xuất sắc
2	Uỷ ban nhân dân Phường Cầu Kiệu	92.33	Xuất sắc
3	Uỷ ban nhân dân Xã Tân Nhựt	91.87	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
4	Uỷ ban nhân dân Phường Chợ Quán	91.87	Xuất sắc
5	Uỷ ban nhân dân Phường Đức Nhuận	91.68	Xuất sắc
6	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Thới	91.61	Xuất sắc
7	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hòa	91.55	Xuất sắc
8	Uỷ ban nhân dân Xã Nhuận Đức	91.33	Xuất sắc
9	Uỷ ban nhân dân Phường Khánh Hội	91.32	Xuất sắc
10	Ủy ban nhân dân Phường Thuận Giao	91.19	Xuất sắc
11	Uỷ ban nhân dân Xã Phú Hòa Đông	91.18	Xuất sắc
12	Uỷ ban nhân dân Phường Hòa Hưng	91.11	Xuất sắc
13	Ủy ban nhân dân Phường Dĩ An	91.07	Xuất sắc
14	Uỷ ban nhân dân Xã Nhà Bè	91.03	Xuất sắc
15	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Sơn	90.98	Xuất sắc
16	Uỷ ban nhân dân Phường Tây Thạnh	90.97	Xuất sắc
17	Uỷ ban nhân dân Phường Vườn Lài	90.93	Xuất sắc
18	Ủy ban nhân dân Phường An Phú	90.91	Xuất sắc
19	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một	90.9	Xuất sắc
20	Ủy ban nhân dân Phường Tân Đông Hiệp	90.9	Xuất sắc
21	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Tạo	90.82	Xuất sắc
22	Ủy ban nhân dân Xã Long Sơn	90.81	Xuất sắc
23	Uỷ ban nhân dân Phường Minh Phụng	90.72	Xuất sắc
24	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa	90.69	Xuất sắc
25	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Tiên	90.69	Xuất sắc
26	Ủy ban nhân dân Xã Phú Giáo	90.67	Xuất sắc
27	Uỷ ban nhân dân Phường Diên Hồng	90.64	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
28	Uỷ ban nhân dân Xã Bình Chánh	90.55	Xuất sắc
29	Ủy ban nhân dân Phường Long Nguyên	90.52	Xuất sắc
30	Uỷ ban nhân dân Phường An Nhơn	90.51	Xuất sắc
31	Uỷ ban nhân dân Xã An Nhơn Tây	90.48	Xuất sắc
32	Uỷ ban nhân dân Xã Xuân Thới Sơn	90.45	Xuất sắc
33	Uỷ ban nhân dân Phường Cầu Ông Lãnh	90.42	Xuất sắc
34	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhất	90.41	Xuất sắc
35	Ủy ban nhân dân Xã Bắc Tân Uyên	90.38	Xuất sắc
36	Uỷ ban nhân dân Phường An Phú Đông	90.33	Xuất sắc
37	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi	90.32	Xuất sắc
38	Uỷ ban nhân dân Phường An Hội Đông	90.3	Xuất sắc
39	Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Giao	90.29	Xuất sắc
40	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Lâm	90.27	Xuất sắc
41	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Quới	90.25	Xuất sắc
42	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Hòa	90.24	Xuất sắc
43	Ủy ban nhân dân Phường Bình Cơ	90.23	Xuất sắc
44	Ủy ban nhân dân Xã Phước Thành	90.23	Xuất sắc
45	Ủy ban nhân dân Phường Tây Nam	90.22	Xuất sắc
46	Uỷ ban nhân dân Xã Thái Mỹ	90.2	Xuất sắc
47	Ủy ban nhân dân Phường Tam Thắng	90.18	Xuất sắc
48	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Bình	90.13	Xuất sắc
49	Uỷ ban nhân dân Phường Thủ Đức	90.13	Xuất sắc
50	Ủy ban nhân dân Xã An Long	90.11	Xuất sắc
51	Uỷ ban nhân dân Phường Trung Mỹ Tây	90.1	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
52	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Tân	90.09	Xuất sắc
53	Uỷ ban nhân dân Phường An Khánh	90.01	Xuất sắc
54	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hải	90.01	Xuất sắc
55	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hiệp	90	Xuất sắc
56	Ủy ban nhân dân Phường Bình Dương	89.99	Tốt
57	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	89.98	Tốt
58	Ủy ban nhân dân Xã Trừ Văn Thố	89.94	Tốt
59	Ủy ban nhân dân Phường Phú An	89.91	Tốt
60	Ủy ban nhân dân Phường Tân Khánh	89.9	Tốt
61	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Phú	89.89	Tốt
62	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Bàng	89.89	Tốt
63	Uỷ ban nhân dân Phường Long Phước	89.89	Tốt
64	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Tân	89.87	Tốt
65	Uỷ ban nhân dân Xã Tân An Hội	89.86	Tốt
66	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Thọ Hòa	89.85	Tốt
67	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Trị Đông	89.78	Tốt
68	Uỷ ban nhân dân Phường Tăng Nhơn Phú	89.75	Tốt
69	Ủy ban nhân dân Phường Bà Rịa	89.73	Tốt
70	Ủy ban nhân dân Phường Phước Thắng	89.67	Tốt
71	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hiệp	89.66	Tốt
72	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Đông	89.65	Tốt
73	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Định	89.63	Tốt
74	Ủy ban nhân dân Xã Thanh An	89.63	Tốt
75	Ủy ban nhân dân Phường Thới Hòa	89.56	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
76	Uỷ ban nhân dân Phường An Đông	89.55	Tốt
77	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hòa	89.55	Tốt
78	Ủy ban nhân dân Phường Rạch Dừa	89.53	Tốt
79	Uỷ ban nhân dân Xã Bà Điểm	89.52	Tốt
80	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Nhuận	89.51	Tốt
81	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Định	89.49	Tốt
82	Ủy ban nhân dân Xã Hồ Tràm	89.48	Tốt
83	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Phú	89.48	Tốt
84	Uỷ ban nhân dân Phường Cát Lái	89.48	Tốt
85	Uỷ ban nhân dân Phường Xuân Hòa	89.46	Tốt
86	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Thọ	89.41	Tốt
87	Uỷ ban nhân dân Phường Bảy Hiền	89.4	Tốt
88	Uỷ ban nhân dân Xã Đông Thạnh	89.39	Tốt
89	Uỷ ban nhân dân Phường Hòa Bình	89.39	Tốt
90	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Mỹ	89.33	Tốt
91	Ủy ban nhân dân Xã Dầu Tiếng	89.33	Tốt
92	Ủy ban nhân dân Xã Xuyên Mộc	89.28	Tốt
93	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp	89.16	Tốt
94	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Tây	89.09	Tốt
95	Ủy ban nhân dân Phường Long Hương	89.09	Tốt
96	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hội	89.07	Tốt
97	Uỷ ban nhân dân Xã Bình Lợi	89.06	Tốt
98	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hải	89.05	Tốt
99	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Thuận	89.04	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
100	Ủy ban nhân dân Xã Long Hòa	89.03	Tốt
101	Uỷ ban nhân dân Xã Hưng Long	89.03	Tốt
102	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hòa	89.02	Tốt
103	Ủy ban nhân dân Xã Bình Giã	89.02	Tốt
104	Uỷ ban nhân dân Xã Bình Mỹ	89.02	Tốt
105	Uỷ ban nhân dân Phường Sài Gòn	88.99	Tốt
106	Uỷ ban nhân dân Phường Hiệp Bình	88.95	Tốt
107	Uỷ ban nhân dân Phường Chợ Lớn	88.91	Tốt
108	Ủy ban nhân dân Phường Tam Long	88.91	Tốt
109	Uỷ ban nhân dân Phường An Hội Tây	88.9	Tốt
110	Ủy ban nhân dân Xã Thường Tân	88.85	Tốt
111	Ủy ban nhân dân Phường Bến Cát	88.7	Tốt
112	Ủy ban nhân dân Xã Minh Thạnh	88.68	Tốt
113	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Lâm	88.67	Tốt
114	Uỷ ban nhân dân Phường Chánh Hưng	88.66	Tốt
115	Uỷ ban nhân dân Phường Bến Thành	88.6	Tốt
116	Ủy ban nhân dân Phường Thuận An	88.48	Tốt
117	Ủy ban nhân dân Xã Long Hải	88.48	Tốt
118	Uỷ ban nhân dân Xã Bình Hưng	88.4	Tốt
119	Uỷ ban nhân dân Phường Nhiêu Lộc	88.38	Tốt
120	Uỷ ban nhân dân Phường Gò Vấp	88.33	Tốt
121	Uỷ ban nhân dân Phường Tam Bình	88.16	Tốt
122	Uỷ ban nhân dân Xã An Thới Đông	88.11	Tốt
123	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Lợi	88.08	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
124	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Sơn Hòa	88.06	Tốt
125	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Sơn	87.8	Tốt
126	Uỷ ban nhân dân Xã Hóc Môn	87.71	Tốt
127	Uỷ ban nhân dân Phường Hạnh Thông	87.62	Tốt
128	Uỷ ban nhân dân Phường Thới An	87.54	Tốt
129	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhì	87.52	Tốt
130	Uỷ ban nhân dân Phường Long Trường	87.48	Tốt
131	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền	87.37	Tốt
132	Uỷ ban nhân dân Phường Bàn Cờ	87.04	Tốt
133	Ủy ban nhân dân Xã Kim Long	87.04	Tốt
134	Uỷ ban nhân dân Phường Phước Long	87.03	Tốt
135	Ủy ban nhân dân Xã Đất Đỏ	86.99	Tốt
136	Uỷ ban nhân dân Phường Thạnh Mỹ Tây	86.92	Tốt
137	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Hưng	86.89	Tốt
138	Uỷ ban nhân dân Xã Vĩnh Lộc	86.79	Tốt
139	Uỷ ban nhân dân Xã Hiệp Phước	86.78	Tốt
140	Ủy ban nhân dân Xã Nghĩa Thành	86.68	Tốt
141	Ủy ban nhân dân Phường Vũng Tàu	86.58	Tốt
142	Ủy ban nhân dân Xã Bình Châu	86.48	Tốt
143	Uỷ ban nhân dân Xã Củ Chi	86.41	Tốt
144	Uỷ ban nhân dân Phường An Lạc	86.08	Tốt
145	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Thạnh	85.83	Tốt
146	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Lợi Trung	85.68	Tốt
147	Ủy ban nhân dân Phường Phú Mỹ	85.66	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
148	Uỷ ban nhân dân Phường Long Bình	85.6	Tốt
149	Uỷ ban nhân dân Phường Linh Xuân	85.4	Tốt
150	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phước	85.39	Tốt
151	Uỷ ban nhân dân Phường Gia Định	85.35	Tốt
152	Uỷ ban nhân dân Xã Bình Khánh	85.22	Tốt
153	Uỷ ban nhân dân Xã Tân Vĩnh Lộc	85.08	Tốt
154	Ủy ban nhân dân Phường Tân Uyên	84.64	Tốt
155	Uỷ ban nhân dân Xã Cần Giờ	84.54	Tốt
156	Ủy ban nhân dân Phường Lái Thiêu	84.45	Tốt
157	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Phú Hòa	84.39	Tốt
158	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành	84.25	Tốt
159	Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo	84.1	Tốt
160	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Thuận	84.06	Tốt
161	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Trưng	84.05	Tốt
162	Uỷ ban nhân dân Phường Thông Tây Hội	83.96	Tốt
163	Uỷ ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận	83.79	Tốt
164	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Thạnh	83.33	Tốt
165	Uỷ ban nhân dân Phường Xóm Chiếu	82.48	Tốt
166	Ủy ban nhân dân Xã Châu Pha	81.52	Tốt
167	Uỷ ban nhân dân Xã đảo Thạnh An	81.2	Tốt
168	Uỷ ban nhân dân Phường Vĩnh Hội	79.16	khá

Phụ lục 3
Danh mục hồ sơ xử lý quá hạn

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ sơ xử lý quá hạn
1	Sở Tài chính	H29.13	6828
2	Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố	H29.14.10	1360
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	H29.14	541
4	Sở Tư pháp	H29.16	245
5	Sở An toàn thực phẩm	H29.109	152
6	Sở Y tế	H29.19	133
7	Sở Công Thương	H29.2	131
8	Uỷ ban nhân dân Xã Bà Điểm	H29.243	86
9	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Lâm	H29.272	81
10	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Lâm	H29.174	77
11	Sở Văn hóa và Thể thao	H29.17	62
12	Sở Xây dựng	H29.18	50
13	Uỷ ban nhân dân Phường Hiệp Bình	H29.146	48
14	Ủy ban nhân dân Phường Rạch Dừa	H29.250	40
15	Ủy ban nhân dân Phường Vũng Tàu	H29.248	37
16	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Trưng	H29.156	35
17	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa	H29.195	34
18	Uỷ ban nhân dân Phường Long Bình	H29.150	33
19	Uỷ ban nhân dân Phường Tam Bình	H29.147	33
20	Ủy ban nhân dân Phường Tân Uyên	H29.293	32
21	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Nhuận	H29.212	30
22	Uỷ ban nhân dân Phường Tăng Nhơn Phú	H29.151	30
23	Uỷ ban nhân dân Xã Tân Vĩnh Lộc	H29.225	29
24	Ủy ban nhân dân Phường Bà Rịa	H29.253	28
25	Uỷ ban nhân dân Phường Hạnh Thông	H29.204	28
26	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhì	H29.220	27
27	Uỷ ban nhân dân Xã Bình Khánh	H29.233	27
28	Uỷ ban nhân dân Phường Sài Gòn	H29.159	27
29	Uỷ ban nhân dân Phường Thông Tây Hội	H29.207	25
30	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Bình	H29.217	24
31	Uỷ ban nhân dân Xã Bình Hưng	H29.230	24
32	Uỷ ban nhân dân Xã Thái Mỹ	H29.236	24

33	Uỷ ban nhân dân Phường Linh Xuân	H29.149	21
34	Ủy ban nhân dân Phường Thuận Giao	H29.283	20
35	Uỷ ban nhân dân Phường An Nhơn	H29.205	20
36	Uỷ ban nhân dân Xã Hóc Môn	H29.242	20
37	Công an Thành phố	H29.996	20
38	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Đông	H29.180	20
39	Ủy ban nhân dân Phường Tân Khánh	H29.295	20
40	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Sơn	H29.265	19
41	Uỷ ban nhân dân Xã Đông Thạnh	H29.245	19
42	Uỷ ban nhân dân Phường An Hội Đông	H29.209	19
43	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hải	H29.276	18
44	Uỷ ban nhân dân Phường Cát Lái	H29.157	17
45	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi	H29.290	17
46	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Thạnh	H29.222	17
47	Uỷ ban nhân dân Phường Đức Nhuận	H29.210	17
48	Uỷ ban nhân dân Phường Gia Định	H29.199	17
49	Uỷ ban nhân dân Phường Phước Long	H29.152	17
50	Sở Giáo dục và Đào tạo	H29.4	16
51	Ủy ban nhân dân Phường Tây Nam	H29.297	16
52	Ủy ban nhân dân Phường Lái Thiêu	H29.285	15
53	Uỷ ban nhân dân Phường Thủ Đức	H29.148	15
54	Uỷ ban nhân dân Phường Thạnh Mỹ Tây	H29.202	15
55	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Hòa	H29.215	15
56	Uỷ ban nhân dân Phường Thới An	H29.192	15
57	Ủy ban nhân dân Phường Tân Đông Hiệp	H29.281	15
58	Uỷ ban nhân dân Phường Chánh Hưng	H29.179	14
59	Uỷ ban nhân dân Xã An Thới Đông	H29.232	13
60	Ủy ban nhân dân Xã Thường Tân	H29.303	13
61	Uỷ ban nhân dân Xã Vĩnh Lộc	H29.224	13
62	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Quới	H29.203	12
63	Uỷ ban nhân dân Xã Xuân Thới Sơn	H29.244	11
64	Uỷ ban nhân dân Xã Tân Nhựt	H29.227	11
65	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hải	H29.259	11
66	Uỷ ban nhân dân Xã Bình Lợi	H29.226	11
67	Uỷ ban nhân dân Phường Bến Thành	H29.160	11
68	Ủy ban nhân dân Xã Bình Châu	H29.268	11
69	Ủy ban nhân dân Phường Bình Cơ	H29.292	10
70	Uỷ ban nhân dân Xã Củ Chi	H29.239	10

71	Uỷ ban nhân dân Phường Nhiêu Lộc	H29.164	10
72	Uỷ ban nhân dân Xã Nhà Bè	H29.246	10
73	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Sơn Hòa	H29.213	10
74	Uỷ ban nhân dân Phường Long Trường	H29.154	9
75	Ủy ban nhân dân Phường Tam Long	H29.255	9
76	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Thọ	H29.186	9
77	Uỷ ban nhân dân Xã Bình Chánh	H29.228	9
78	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Thuận	H29.177	9
79	Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Giao	H29.261	8
80	Uỷ ban nhân dân Xã Hiệp Phước	H29.247	8
81	Uỷ ban nhân dân Phường Cầu Kiệu	H29.211	8
82	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hội	H29.271	8
83	Sở Nội vụ	H29.10	8
84	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền	H29.275	7
85	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Hưng	H29.176	7
86	Uỷ ban nhân dân Xã Phú Hòa Đông	H29.240	7
87	Uỷ ban nhân dân Phường Tây Thạnh	H29.219	7
88	Uỷ ban nhân dân Phường Bảy Hiền	H29.216	7
89	Ủy ban nhân dân Phường Phước Thắng	H29.251	7
90	Uỷ ban nhân dân Phường Diên Hồng	H29.183	7
91	Uỷ ban nhân dân Phường An Đông	H29.169	7
92	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Thọ Hòa	H29.221	7
93	Ủy ban nhân dân Phường Phú Mỹ	H29.256	7
94	Uỷ ban nhân dân Phường An Khánh	H29.155	7
95	Ủy ban nhân dân Xã Minh Thạnh	H29.310	6
96	Uỷ ban nhân dân Xã Hưng Long	H29.229	6
97	Uỷ ban nhân dân Phường An Phú Đông	H29.193	6
98	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp	H29.294	6
99	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	H29.191	6
100	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Thạnh	H29.200	6
101	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Định	H29.181	6
102	Ủy ban nhân dân Xã Châu Pha	H29.260	6
103	Uỷ ban nhân dân Phường Khánh Hội	H29.166	6
104	Uỷ ban nhân dân Phường Vĩnh Hội	H29.165	6
105	Uỷ ban nhân dân Xã đảo Thạnh An	H29.234	6
106	Ủy ban nhân dân Phường Tam Thắng	H29.249	6
107	Uỷ ban nhân dân Phường Bàn Cờ	H29.163	6
108	Uỷ ban nhân dân Phường Cầu Ông Lãnh	H29.161	6

109	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Lợi	H29.301	6
110	Uỷ ban nhân dân Phường Phú Thuận	H29.178	6
111	Ủy ban nhân dân Phường Thới Hòa	H29.278	6
112	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phước	H29.258	5
113	Ủy ban nhân dân Phường Dĩ An	H29.280	5
114	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Tiên	H29.171	5
115	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Mỹ	H29.175	5
116	Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp	H29.34	5
117	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Tân	H29.194	5
118	Uỷ ban nhân dân Phường Xuân Hòa	H29.162	5
119	Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo	H29.277	5
120	Uỷ ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận	H29.189	5
121	Uỷ ban nhân dân Xã Cần Giờ	H29.231	5
122	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	H29.29	4
123	Uỷ ban nhân dân Phường Chợ Quán	H29.168	4
124	Uỷ ban nhân dân Phường Long Phước	H29.153	4
125	Uỷ ban nhân dân Phường Minh Phụng	H29.188	4
126	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Trị Đông	H29.196	4
127	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhất	H29.214	4
128	Uỷ ban nhân dân Phường Hòa Hưng	H29.184	4
129	Ủy ban nhân dân Xã Long Hòa	H29.311	4
130	Ủy ban nhân dân Xã Kim Long	H29.263	4
131	Uỷ ban nhân dân Phường Chợ Lớn	H29.170	4
132	Ủy ban nhân dân Phường Bình Dương	H29.287	4
133	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Lợi Trung	H29.201	4
134	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Tây	H29.172	3
135	Ủy ban nhân dân Phường Bến Cát	H29.299	3
136	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Phú Hòa	H29.300	3
137	Ủy ban nhân dân Xã Xuyên Mộc	H29.270	3
138	Ủy ban nhân dân Xã Phước Thành	H29.305	3
139	Ủy ban nhân dân Phường Long Hương	H29.254	3
140	Uỷ ban nhân dân Phường Gò Vấp	H29.206	3
141	Uỷ ban nhân dân Xã Tân An Hội	H29.238	3
142	Ủy ban nhân dân Xã Nghĩa Thành	H29.266	3
143	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hòa	H29.284	2
144	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Phú	H29.223	2
145	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Phú	H29.173	2
146	Uỷ ban nhân dân Phường Xóm Chiếu	H29.167	2

147	Uỷ ban nhân dân Phường An Lạc	H29.197	2
148	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Bàng	H29.309	2
149	Uỷ ban nhân dân Phường Tân Sơn	H29.218	2
150	Ủy ban nhân dân Xã Long Hải	H29.274	2
151	Sở Khoa học và Công nghệ	H29.7	2
152	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành	H29.257	2
153	Ủy ban nhân dân Xã Phú Giáo	H29.307	1
154	Ủy ban nhân dân Phường Phú An	H29.296	1
155	Ủy ban nhân dân Phường An Phú	H29.286	1
156	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Tân	H29.291	1
157	Ủy ban nhân dân Xã Dầu Tiếng	H29.312	1
158	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hiệp	H29.288	1
159	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hiệp	H29.267	1
160	Uỷ ban nhân dân Phường Bình Thới	H29.187	1
161	Ủy ban nhân dân Xã An Long	H29.304	1
162	Ủy ban nhân dân Phường Long Nguyên	H29.298	1
163	Ủy ban nhân dân Xã Thanh An	H29.313	1
164	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hòa	H29.279	1
165	Uỷ ban nhân dân Xã An Nhơn Tây	H29.235	1
166	Uỷ ban nhân dân Phường Vườn Lài	H29.182	1
167	Ủy ban nhân dân Xã Hồ Tràm	H29.269	1